

Đề 1**Phần I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

*“Tôi vốn là một tảng đá khổng lồ trên núi cao, trải qua bao năm tháng dài
đằng đẳng bị mặt trời nung đốt, người tôi đầy vết nứt. Tôi vỡ vụn ra và lăn lóc
xuống núi, mưa bão và nước lũ cuốn tôi vào sông suối. Do liên tục bị va đập,
lăn lộn, tôi bị thương đầy mình. Nhưng rồi chính những dòng nước lại làm lành
những vết thương của tôi. Và tôi trở thành một hòn sỏi láng mịn như bây giờ.”*

(Theo <https://tuoitre.vn/>, ngày 2/7/2004)

Câu 1 (1,5 điểm): Khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu đáp án đúng của mỗi câu hỏi sau:

1. Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Không xác định được ngôi kể

2. Nhân vật “tôi” ban đầu vốn là gì?

A. Hạt cát

B. Hòn sỏi

C. Hòn đất

D. Tảng đá khổng lồ

3. Từ nào sau đây là từ láy?

A. vỡ vụn

B. lăn lóc

C. sông suối

D. lăn lộn

4. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng để xây dựng nhân vật trong văn bản trên?

A. So sánh

B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. Hoán dụ

Câu 2 (0,5 điểm): Theo em, *mặt trời nung đốt, những va đập, lăn lộn* tượng trưng cho điều gì trong cuộc sống con người?

Câu 3 (0,5 điểm): Từ một “tảng đá khổng lồ” ban đầu đến “hòn sỏi láng mịn” phản ánh điều gì?

Câu 4 (1 điểm): Nêu một bài học em rút ra được sau khi đọc văn bản trên.

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Thiên nhiên luôn thay đổi, luân chuyển qua các mùa xuân – hạ – thu – đông. Em hãy viết một đoạn văn về cảm xúc lúc giao mùa. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai cụm từ làm thành phần câu.

Câu 2 (5 điểm): Cảm nghĩ của em về bài thơ “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên, SGK Cánh diều, tập 1, trang 37)

Đề 2

Phần I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

“...Con còn nợ mẹ, nợ mẹ những luống rau

Thuở ngày xưa con còn trồng dang dở

Con nợ mẹ cả những bát cơm, tô phở

Đắp no lòng cho mẹ mỗi sớm mai.

Con cũng nợ mẹ cả những điều sai

Con đã làm mà không nghe lời mẹ

Con nợ mẹ cả một thời tuổi trẻ

Nợ cả cái hình hài đẹp để hôm nay

Con nợ mẹ giọt nước mắt mỗi ngày

Đã rơi xuống để đời con bớt khổ

Nợ mẹ nếp nhăn, trua hè nắng đỏ

Nợ mái tóc phai màu, vết nứt nẻ bàn chân”

(Con nợ mẹ, Đặng Hải)

Câu 1 (1 điểm): Khoanh tròn vào đáp án đúng trong các câu hỏi sau:

1. Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ gì?

A. Lục bát

B. Bốn chữ

C. Năm chữ

D. Tự do

2. Chủ đề của đoạn thơ là gì?

A. Tình cảm gia đình

B. Tình yêu quê hương đất nước

C. Tình yêu thiên nhiên

D. Tình mẫu tử

3. Biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong đoạn thơ trên là:

A. Điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ

B. Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ

C. Liệt kê, nói giảm nói tránh

D. Liệt kê, nói quá

4. Tình cảm nổi bật nhất của tác giả trong đoạn thơ là gì?

A. Biết ơn mẹ

B. Thương mẹ

C. Con nợ mẹ

D. Kính trọng mẹ

Câu 2 (0.5 điểm): Người con trong đoạn thơ cảm thấy mình nợ mẹ những gì?

Câu 3 (0.5 điểm): Hai câu thơ sau đã sử dụng biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào?

Con nợ mẹ giọt nước mắt mỗi ngày

Đã rơi xuống để đòi con bớt khổ

Câu 4 (1 điểm): Thông điệp của đoạn thơ muốn gửi tới chúng ta là gì?

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta.

Câu 2 (5 điểm): Kể lại bằng lời văn của em câu chuyện *Thánh Gióng*.

Đề 3**Phần I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Mùa thu, bầu trời rực rỡ một màu xanh như ngọc, cánh đồng lúa đương thì đang ngả sang màu hung hung, rồi màu vàng rực. Một mùa gặt bội thu đang về với làng quê. Con đường đất trải dài những sợi rom vàng óng như tơ, những khoảng sân gạch vuông vẫn đã đầy ắp những thóc mới vàng như kén. Mùi rom mới nồng nồng, ngai ngái theo vào cả trong giấc ngủ, hiện hữu trong giấc mơ tôi suốt thời thơ ấu. Nhớ làm sao những buổi sáng tinh sương trở dậy, đón bát xôi nếp thơm phức, còn bốc hơi nghi ngút từ bày tay mẹ, cả nhà quây quần bên ngọn đèn dầu thật ấm cúng biết bao. Phải chăng đó là những khoảnh khắc vô giá của mỗi con người khắc sâu vào miền kí ức để ta nhớ mãi không quên, cho dù cuộc sống đưa đẩy đến những chân trời góc bể nào...”

Câu 1 (0.5 điểm): Đoạn văn trên mang đặc trưng của kiểu văn bản nào?

- A. Văn bản tự sự, miêu tả
- B. Văn bản miêu tả, biểu cảm
- C. Văn bản nghị luận, miêu tả
- D. Văn bản thông tin

Câu 2 (0.5 điểm): Tìm từ chỉ không phải chỉ màu sắc mà tác giả sử dụng để tả cảnh mùa thu ở làng quê

- A. Màu xanh như ngọc
- B. Màu hung hung

C. Màu vàng rực

D. Nồng nồng, ngai ngái

Câu 3 (0.5 điểm): Những cảnh vật nào được tác giả nhắc tới?

A. Bầu trời, cánh đồng, con đường

B. Bầu trời, cánh đồng, dòng sông

C. Bầu trời, con đường, trường học

D. Bầu trời, cánh đồng, bờ đê

Câu 4 (0.5 điểm): Đoạn văn ghi lại cảnh vật và cảm xúc vào thời gian nào?

A. Mùa xuân

B. Mùa đông

C. Mùa hạ

D. Mùa thu

Câu 5 (0.5 điểm): Từ “hiện hữu” có nghĩa là gì?

A. Đang có, đang tồn tại

B. Đang hiện lên

C. Đã có, đã tồn tại

D. Chưa có, chưa tồn tại

Câu 6 (0.5 điểm): Cụm từ “những sợi rom vàng óng như tơ” là cụm từ gì?

A. Cụm động từ

B. Cụm danh từ

C. Cụm tính từ

D. Cụm trợ từ

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Trong đoạn thơ trên, tình cảm mà tác giả dành cho miền quê của mình được thể hiện như thế nào?

Câu 2 (5 điểm): Các em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích

Đề 4

Phần I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NHỮNG ĐIỀU BỐ YÊU

Ngày con khóc tiếng chào đời

Bố thành vụng dại trước lời hát ru

Cứ “À ơi, gió mùa thu”

"Con ong làm mật", "Mù u! bướm vàng"...

Sau yêu cái chỗ con nằm

Thơm mùi sữa với chiếu thâm mấy quàng

Yêu sao ngang dọc, dọc ngang

Những hàng tã chéo mẹ giăng đầy nhà.

Thêm yêu dịu dịu nước hoa

Khi con muỗi đốt, bà xoa nhẹ nhàng

Và yêu một góc mặt bàn

Mèo con, chút chút xếp hàng đợi chơi.

Yêu ngày con gọi “Mẹ ơi”

Bước đi chập chững, mặt trời nhòm coi

Bao ngày, bao tháng dần trôi

Khắp nhà đầy ắp tiếng cười của con.

Để khi con vắng một hôm

Bố ngỡ ngần nhớ, quên cơm bữa chiều.

Con ơi có biết bao điều

Sinh cùng con để bố yêu một đời.

(NGUYỄN CHÍ THUẬT,

Báo Giáo dục và Thời đại Chủ nhật, số 35, 1999)

Câu 1. Bài thơ “Những điều bố yêu” được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ tự do
- B. Thể thơ lục bát
- C. Thể thơ năm chữ
- D. Thể thơ bốn chữ

Câu 2. Cách ngắt nhịp nào thể hiện đúng nghĩa của khổ thơ?

- A. Ngày con khóc tiếng chào đời /
Bố thành vụng dại / trước lời hát ru
Cứ "À ơi, / gió mùa thu"
"Con ong làm mật", / "Mù u bướm vàng"...

B. Ngày con / khóc tiếng / chào đời

Bố thành / vụng dại / trước lời / hát ru

Cứ “À /oi, gió / mùa thu”

“Con ong /làm mật”, / “Mù u /bướm vàng”...

C. Ngày con / khóc tiếng chào đời

Bố thành / vụng dại trước lời hát ru

Cứ "À /oi, gió mùa thu”

“Con ong làm mật, / “Mù u bướm vàng”...

D. Ngày con khóc tiếng / chào đời

Bố thành vụng dại trước lời / hát ru

Cứ “À oi, gió mùa thu” /

“Con ong làm mật, / “Mù u bướm vàng”...

Câu 3. Điệp từ nào được sử dụng trong bài thơ để thể hiện trực tiếp tình cảm mà tác giả muốn bộc lộ?

A. Con

B. Bao

C. Bố

D. Yêu

Câu 4. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong dòng thơ “Khấp nhà đầy ắp tiếng cười của con”?

- A. So sánh
- B. Nhân hoá
- C. Ẩn dụ
- D. Liệt kê

Câu 5. Hai dòng thơ nào nói được tất cả những điều mà người bố yêu?

A. Ngày con khóc tiếng chào đời

Bố thành vụng dại trước lời hát ru.

B. Và yêu một góc mặt bàn

Mèo con, chút chút xếp hàng đợi chơi.

C. Yêu ngày con gọi “Mẹ ơi”

Bước đi chập chững, mặt trời nhòm coi.

D. Con ơi có biết bao điều

Sinh cùng con để bố yêu một đời.

Câu 6. Bài thơ “Những điều bố yêu” có điểm gì khác với bài thơ “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên) và “Về thăm mẹ” (Đình Nam Khuông)?

- A. Viết về tình cảm gia đình
- B. Viết theo thể thơ lục bát

C. Diễn tả tâm trạng của người cha

D. Thể hiện tình cảm sâu nặng

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Tự lập là một đức tính tốt. Em đã làm gì để thể hiện mình là người tự lập trong học tập và trong sinh hoạt hàng ngày. Viết đoạn văn ngắn 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

Câu 2 (5 điểm): Khi Thánh Gióng ra trận, mẹ đã đến bên ngựa sắt để tiễn đưa chàng. Hãy viết bài văn kể lại cuộc chia tay xúc động ấy.

Đề 5**Phần I: ĐỌC - HIỂU (4 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ước thử để xem kém thua bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy...

Câu 1: Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào?

- A. Sơn Tinh, Thủy Tinh
- B. Thánh Gióng
- C. Cây Khế
- D. Thạch Sanh

Câu 2: Văn bản trên thuộc thể loại văn học dân gian nào?

- A. Cổ tích
- B. Tục ngữ
- C. Truyền thuyết
- D. Ca dao

Câu 3: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Miêu tả kết hợp biểu cảm

Câu 4: Trong đoạn văn trên có bao nhiêu từ mượn?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 5: Trong các từ sau từ nào là từ mượn?

A. Tục truyền

B. Vợ chồng

C. Mặt mũi

D. Lạm ăn

Câu 6. Nguồn gốc của từ mượn “thụ thai”?

A. Từ mượn Anh - Mỹ

B. Từ mượn Hán Việt

C. Từ mượn Pháp

D. Từ mượn Nga

Câu 7: Nội dung của đoạn trích trên là gì?

- A.** Thánh Gióng lớn lên và đi đánh giặc.
- B.** Thánh Gióng đánh thắng quân giặc và bay về trời.
- C.** Thánh Gióng được nuôi lớn bởi sự đoàn kết của toàn dân
- D.** Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng.

Câu 8: Giải thích nghĩa của từ tục truyền”.

- A.** Truyền đạt ý kiến nào đó.
- B.** Tổ tiên trong gia đình truyền lại một nghề gì đó.
- C.** Chỉ người có quyền hành
- D.** Theo dân gian truyền lại.

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (6 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Theo em cái vượn vai thần kì của Thánh Gióng có ý nghĩa gì?

Câu 2 (5 điểm): Em hãy đóng vai một nhân vật mà yêu yêu thích trong truyện cổ tích Thạch Sanh để kể lại truyện Thạch Sanh.

Đề 6**I. ĐỌC HIỂU (4đ)**

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

THẦY CHU VĂN AN VÀ HỌC TRÒ THỦY THẦN

Ngày ấy, vào đời nhà Trần có một cụ đồ nho ở xã Quang Liệt tên là Chu Văn An. Học vấn của cụ sâu và rộng. Cũng vì tiếng tăm của cụ truyền khắp mọi nơi nên học trò xa gần đến học rất đông.

Về sau nhà vua nghe tiếng, vời cụ về kinh giao cho trông nom trường Quốc Tử Giám và dạy Thái tử học. Cụ để nhà lại cho vợ con rồi đi nhậm chức. Nhưng được hơn một năm đã thấy cụ chống gậy trở về.

Cụ bảo mọi người rằng:

- Ta không thể chịu được bảy tên quyền thần dối vua hại nước!

Từ đó, người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin “nhập môn” đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò. Nhà trong xóm chật ních những anh đồ nho, đủ mặt người Kinh, người trại. Đó là chưa kể những người ở quanh, hàng ngày cơm đùm com gói đi về học tập.

Trong số học trò của cụ có hai anh em con vua Thủy. Nghe tiếng cụ đồ, vua Thủy cũng cho con lên học. Ngày ngày hai anh em đến bờ sông trút lột thường luồng ở nước rồi lên đất, nói năng, cử chỉ không khác gì người trần.

Một hôm cụ để dạng chằm bài thì anh trưởng tràng đến kể cho biết rằng sáng hôm nay, khi chưa rõ mặt người, anh có việc di chợ huyện đến cầu Bua tình cờ dưới sông có hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ:

- Đúng là hai anh em nhà Gàn thấy ạ! Con đầu tiên sợ nhưng cũng cố đi theo. Quả nhiên họ vào đây. Thầy bảo bây giờ nên làm thế nào?

Cụ đồ gật gù đáp:

-Con cứ để yên mặc họ, con ạ! Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!

Năm ấy, vùng Thanh Đàm trời làm đại hạn. Suốt từ cuối năm ngoái cho đến tháng Hai năm nay không có lấy một giọt mưa. Đồng ruộng nứt nẻ. Mấy đám lúa đám ngô cứ héo dần. Thấy mọi người nhao nhác, cụ đồ sốt ruột không kém.

Một chiều kia sau buổi học, cụ đồ lưu hai anh em chàng Gàn ở lại rồi bảo:

-Thầy muốn các con thương đến dân một chút.

Hai anh em là bộ ngơ ngác không nói gì. Thấy họ còn giấu mình, ông cụ nói:

-Các con bắt tất phải giấu. Thầy đã biết cả. Bây giờ đây chỉ có các con là cứu được dân sự. Các con hãy làm mưa cho họ nhờ.

Hai anh em đưa mắt nhìn nhau, hồi lâu bảo cụ:

- Dạ, nhưng hiểm vì sông hồ đều có lệnh “phong bế” cả thì lấy đâu ra nước bây giờ.

Ông cụ khản khoản:

- Các con nghĩ thử xem có thể lấy nước ở đâu được không. Không cứu được nhiều thì ta hẵng tạm cứu ít vậy!

Hai anh em ngần ngừ hồi lâu rồi chỉ vào nghiên mực đặt trên án thư, bảo cụ đồ:

- Dạ, oai trời thì rất nghiêm nhưng lời của thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy. Chúng con sẽ dùng nước ở nghiên mực này tắm thơm nhuần trong một vùng vậy.

Cụ đồ mừng rỡ chạy lại án thư bê cái nghiên mực lớn còn đầy mực và cả quản bút lông của mình thường dùng, đưa cho họ. Hai anh em đỡ lấy rồi cả ba người cùng tiến ra bờ sông. Đến nơi họ xắn ống tay áo rồi sau đó em bưng nghiên mực, anh cầm quản bút nhúng mực vẩy lên trời nhiều lần. Đoạn họ vớt cả nghiên lẫn bút xuống nước, củi vãi cụ đồ rồi biến mất.

Đêm hôm ấy quả nhiên mây mù tối tăm rồi mưa một trận như trút. Cụ đồ vừa mừng vừa sợ, suốt đêm chạy ra chạy vào không ngủ. Sáng dậy, điều mà ai nấy đều lấy làm lạ là nước chỉ lênh láng suốt mấy cánh đồng trong vùng Thanh Đàm mà thôi. Hơn nữa sắc nước chỗ nào chỗ nấy đều đen như mực. Trận mưa đêm hôm đó quả cứu vớt được biết bao nhiêu là ruộng lúa, ruộng ngô và các hoa màu khác. Dân trong vùng Thanh Đàm lại vui vẻ như xưa.

Nhưng trong lúc đó ở thiên đình, các thiên thần đều lấy làm lạ về một trận mưa bất ngờ. Ngọc Hoàng nổi giận sai một thiên thần đi bắt cho được thủ phạm trị tội. Và cả hai anh em đều không thoát được khỏi lưới trời nghiêm ngặt: cả hai đều rơi đầu dưới lưới búa của thần Sét.

Xác của họ hiện nguyên hình là hai con thuồng luồng song đầu một nơi mình một nẻo, dạt vào gậm cầu Bưu. Cụ đồ nghe tin rất thương xót. Cụ khóc và cụ bắt tất cả học trò đưa đám chôn hai con thuồng luồng. Khăn áo hôm ấy trắng phau cả một bờ sông. Xác hai con vật được chôn cất một cách tử tế ở bên trên cầu và cũng đắp thành nấm như mộ của người.

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu Văn An sau đó trôi về làng Quỳnh Đô làm đen cả nước cái đầm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là Đầm Mực. Còn quản bút thì trôi về làng Tó cho nên cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó

tức làng Tả Thanh Oai bây giờ mới có lắm người học hành đỗ đạt. Còn chỗ ngôi mộ hai anh em thường luồn sau đó người ta lập miếu thờ ngày nay còn có tên là miếu Gàn.

(Đông Chi, Truyện cổ Việt Nam chọn lọc, Tập 1, NXB Khoa học Xã hội, tr.284-287).

Câu hỏi

Câu 1: Câu chuyện trên kể về?

- A. Nhân vật người anh hùng lịch sử.
- B. Biển cổ lịch sử trọng đại của dân tộc.
- C. Những nhân vật tôn giáo.
- D. Danh nhân văn hóa của dân tộc.

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là:

- A. Thầy Chu Văn An.
- B. Hai anh em con vua Thủy.
- C. Thầy Chu Văn An và hai anh em con vua Thủy.
- D. Thầy Chu Văn An và học trò.

Câu 3: Sự việc nào dưới đây không thuộc văn bản Thầy Chu Văn An và học trò Thủy thần?

- A. Nói với anh em chàng Gàn.
- B. Dạy thái tử học.

C. Phạt trò rất nghiêm.

D. Chông gậy trở về.

Câu 4: Câu nói: Ta không thể chịu được bầy tên quyền thần dối vua hại nước chứng tỏ điều gì ở thầy Chu Văn An?

A. Là người thẳng thắn, không chấp nhận sự dối trá

B. Là người khảng khái, luôn lo nghĩ cho dân, cho nước

C. Chỉ ưa những người thật thà

D. Là người dám phản đối nhà vua

Câu 5: Sự việc sau đây giúp em hiểu như thế nào về người thầy Chu Văn An và người dân xưa trong đạo học? (1đ)

Từ đó, người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin “nhập môn” đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò

Câu 6: Câu chuyện về hai anh em nhà Gàn đã thể hiện mong muốn nào của thầy Chu Văn An về học trò nói chung (trả lời từ 6-8 dòng) (1 đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Đọc văn bản và bức họa sau:

Xưa Công Minh đến học thầy Tăng Tử, ở nhà thầy ba năm mà không mấy đọc sách. Tăng Tử gặng hỏi, Minh Tuyên thưa rằng: “Thưa thầy, con vẫn học. Con thấy: thầy ở trong nhà, trước mặt thân, lúc nào cũng hiểu, hòa nhã, cho đến giống vật chó mèo thầy cũng không mắng bao giờ. Thầy ứng tiếp bạn bè cung kính ung dung, rất lễ độ, kẻ dở người hay, ai nấy đều thiếp phục. Thầy ở triều

đình, đối với kẻ dưới, bề ngoài rất là nghiêm trọng, mà trong bụng rất là nhân từ, không có ý hại ai bao giờ. Ba điều ấy, con lấy làm vui lòng, học mãi mà chưa được. Con đâu dám không học mà cứ ở cửa nhà thầy”

(<https://bom.so/zM2Kwy>)

a. Xác định nội dung/ thông điệp của văn bản và bức họa trên, từ đó tìm điểm tương đồng với chủ đề văn bản, lý giải cụ thể (8- 10 dòng)

b. Từ câu chuyện xúc động về thầy Chu Văn An với học trò ở trên, em hãy kể về một kỉ niệm với thầy cô giáo khiến em xúc động và ấn tượng sâu sắc (viết 1- 1,5 trang)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đề 7**I. ĐỌC HIỂU (4đ)**

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

THẦY CHU VĂN AN VÀ HỌC TRÒ THỦY THẦN

Ngày ấy, vào đời nhà Trần có một cụ đồ nho ở xã Quang Liệt tên là Chu Văn An. Học vấn của cụ sâu và rộng. Cũng vì tiếng tăm của cụ truyền khắp mọi nơi nên học trò xa gần đến học rất đông.

Về sau nhà vua nghe tiếng, vời cụ về kinh giao cho trông nom trường Quốc Tử Giám và dạy Thái tử học. Cụ để nhà lại cho vợ con rồi đi nhậm chức. Nhưng được hơn một năm đã thấy cụ chống gậy trở về.

Cụ bảo mọi người rằng:

- Ta không thể chịu được bảy tên quyền thần dối vua hại nước!

Từ đó, người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin “nhập môn” đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò. Nhà trong xóm chật ních những anh đồ nho, đủ mặt người Kinh, người trại. Đó là chưa kể những người ở quanh, hàng ngày cơm đùm com gói đi về học tập.

Trong số học trò của cụ có hai anh em con vua Thủy. Nghe tiếng cụ đồ, vua Thủy cũng cho con lên học. Ngày ngày hai anh em đến bờ sông trút lột thường luồng ở nước rồi lên đất, nói năng, cử chỉ không khác gì người trần.

Một hôm cụ để dạng chằm bài thì anh trưởng tràng đến kể cho biết rằng sáng hôm nay, khi chưa rõ mặt người, anh có việc di chợ huyện đến cầu Bua tình cờ dưới sông có hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ:

- Đúng là hai anh em nhà Gàn thấy ạ! Con đầu tiên sợ nhưng cũng cố đi theo. Quả nhiên họ vào đây. Thầy bảo bây giờ nên làm thế nào?

Cụ đồ gật gù đáp:

-Con cứ để yên mặc họ, con ạ! Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!

Năm ấy, vùng Thanh Đàm trời làm đại hạn. Suốt từ cuối năm ngoái cho đến tháng Hai năm nay không có lấy một giọt mưa. Đồng ruộng nứt nẻ. Mấy đám lúa đám ngô cứ héo dần. Thấy mọi người nhao nhác, cụ đồ sốt ruột không kém.

Một chiều kia sau buổi học, cụ đồ lưu hai anh em chàng Gàn ở lại rồi bảo:

-Thầy muốn các con thương đến dân một chút.

Hai anh em là bộ ngơ ngác không nói gì. Thấy họ còn giấu mình, ông cụ nói:

-Các con bắt tất phải giấu. Thầy đã biết cả. Bây giờ đây chỉ có các con là cứu được dân sự. Các con hãy làm mưa cho họ nhờ.

Hai anh em đưa mắt nhìn nhau, hồi lâu bảo cụ:

- Dạ, nhưng hiểm vì sông hồ đều có lệnh “phong bế” cả thì lấy đâu ra nước bây giờ.

Ông cụ khản khoản:

- Các con nghĩ thử xem có thể lấy nước ở đâu được không. Không cứu được nhiều thì ta hẵng tạm cứu ít vậy!

Hai anh em ngần ngừ hồi lâu rồi chỉ vào nghiên mực đặt trên án thư, bảo cụ đồ:

- Dạ, oai trời thì rất nghiêm nhưng lời của thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy. Chúng con sẽ dùng nước ở nghiên mực này tắm thơm nhuần trong một vùng vậy.

Cụ đồ mừng rỡ chạy lại án thư bê cái nghiên mực lớn còn đầy mực và cả quản bút lông của mình thường dùng, đưa cho họ. Hai anh em đỡ lấy rồi cả ba người cùng tiến ra bờ sông. Đến nơi họ xắn ống tay áo rồi sau đó em bưng nghiên mực, anh cầm quản bút nhúng mực vẩy lên trời nhiều lần. Đoạn họ vớt cả nghiên lẫn bút xuống nước, cúi vái cụ đồ rồi biến mất.

Đêm hôm ấy quả nhiên mây mù tối tăm rồi mưa một trận như trút. Cụ đồ vừa mừng vừa sợ, suốt đêm chạy ra chạy vào không ngủ. Sáng dậy, điều mà ai nấy đều lấy làm lạ là nước chỉ lênh láng suốt mấy cánh đồng trong vùng Thanh Đàm mà thôi. Hơn nữa sắc nước chỗ nào chỗ nấy đều đen như mực. Trận mưa đêm hôm đó quả cứu vớt được biết bao nhiêu là ruộng lúa, ruộng ngô và các hoa màu khác. Dân trong vùng Thanh Đàm lại vui vẻ như xưa.

Nhưng trong lúc đó ở thiên đình, các thiên thần đều lấy làm lạ về một trận mưa bất ngờ. Ngọc Hoàng nổi giận sai một thiên thần đi bắt cho được thủ phạm tội. Và cả hai anh em đều không thoát được khỏi lưới trời nghiêm ngặt: cả hai đều rơi đầu dưới lưới búa của thần Sét.

Xác của họ hiện nguyên hình là hai con thuồng luồng song đầu một nơi mình một nẻo, dạt vào gậm cầu Bư. Cụ đồ nghe tin rất thương xót. Cụ khóc và cụ bắt tất cả học trò đưa đám chôn hai con thuồng luồng. Khăn áo hôm ấy trắng phau cả một bờ sông. Xác hai con vật được chôn cất một cách tử tế ở bên trên cầu và cũng đắp thành nấm như mộ của người.

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu Văn An sau đó trôi về làng Quỳnh Đô làm đen cả nước cái đầm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là Đầm Mực. Còn quản bút thì trôi về làng Tó cho nên cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó

tức làng Tả Thanh Oai bây giờ mời có lắm người học hành đỗ đạt. Còn chỗ ngôi mộ hai anh em thường luồn sau đó người ta lập miếu thờ ngày nay còn có tên là miếu Gàn.

(Đồng Chi, Truyện cổ Việt Nam chọn lọc, Tập 1, NXB Khoa học Xã hội, tr.284-287).

Câu hỏi

Câu 1: Xác định yếu tố kì ảo góp phần thể hiện tài năng, phẩm chất của thầy Chu Văn An

- A. Con vua Thủy biến hóa thành người, xin được theo học
- B. Anh trưởng tràng thấy hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ
- C. Hai anh em họ Gàn vẩy mực lên trời làm mưa
- D. Ngọc Hoàng sai thiên thần đi tìm con vua Thủy để trị tội

Câu 2: Việc con vua Thủy xin theo học thầy Chu thể hiện ý nghĩa gì?

- A. Các thần đều biết danh tiếng của thầy Chu Văn An
- B. Đề cao sự hiếu học, thần linh cũng ngưỡng mộ tài năng, đạo đức của thầy Chu
- C. Con vua Thủy Tề chưa từng được đi học
- D. Tinh thần hiếu học không phân biệt giữa thần và người trần

Câu 3: Câu: “Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!” thể hiện quan điểm dạy học nào của thầy Chu Văn An?

- A. Dựa trên sự công bằng, không phân biệt nguồn gốc, hoàn cảnh và sự ham học
- B. Chú trọng truyền dạy đạo thánh hiền
- C. Muốn dạy học cho các thân, không phân biệt xuất thân
- D. Đề cao sự ham học hỏi, thích học đạo lí

Câu 4: Vì sao thầy Chu lại nhờ hai anh em họ Gàn làm mưa giúp dân? Điều đó thể hiện tính cách gì của thầy?

- A. Vì không có ai giúp được, thầy hết lòng dạy dỗ đạo lý học trò
- B. Vì thầy tin tưởng con vua Thủy Tề, thầy thương dân và muốn dạy trò hành động vì nghĩa lớn
- C. Vì thầy biết hai anh em có phép thuật làm mưa, thầy luôn quan tâm đến tình hình cuộc sống của người dân
- D. Vì thầy biết hai anh em là con vua Thủy Tề, thầy lo cho dân và muốn dạy trò hành động vì nghĩa lớn

Câu 5: Đoạn kết thúc văn bản đã thể hiện sự đánh giá, thái độ gì của nhân dân ta (1đ)

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu Văn An sau đó trôi về làng Quỳnh Đô làm đen cả nước cái đằm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là Đằm Mực. Còn quản bút thì trôi về làng Tó cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó tức làng Tả Thanh Oai bây giờ mới có lắm người học hành đỗ đạt

Câu 6: Câu chuyện về hai anh em nhà Gàn đã thể hiện mong muốn nào của thầy Chu Văn An về học trò nói chung (trả lời từ 6-8 dòng) (1 đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Đọc văn bản và bức họa sau:

Xưa Công Minh đến học thầy Tăng Tử, ở nhà thầy ba năm mà không mấy đọc sách. Tăng Tử gặng hỏi, Minh Tuyên thưa rằng: “Thưa thầy, con vẫn học. Con thấy: thầy ở trong nhà, trước mặt thân, lúc nào cũng hiểu, hòa nhã, cho đến giống vật chó mèo thầy cũng không mắng bao giờ. Thầy ứng tiếp bạn bè cung kính ung dung, rất lễ độ, kẻ dở người hay, ai nấy đều thiếp phục. Thầy ở triều đình, đối với kẻ dưới, bề ngoài rất là nghiêm trọng, mà trong bụng rất là nhân từ, không có ý hại ai bao giờ. Ba điều ấy, con lấy làm vui lòng, học mãi mà chưa được. Con đâu dám không học mà cứ ở cửa nhà thầy”

(<https://bom.so/zM2Kwy>)

- Xác định nội dung/ thông điệp của văn bản và bức họa trên, từ đó tìm điểm tương đồng với chủ đề văn bản, lý giải cụ thể (8- 10 dòng)
- Từ câu chuyện xúc động về thầy Chu Văn An với học trò ở trên, em hãy kể về một kỉ niệm với thầy cô giáo khiến em xúc động và ấn tượng sâu sắc (viết 1- 1,5 trang)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đề 8**I. ĐỌC HIỂU (4đ)**

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

TỪ NHỮNG DẤU CHÂN NGƯỜI

(Đinh Nam Khương)

Tháng mười khi lúa gặt xong

Còn tro chân rạ với đồng – Đồng ơi!

Lúa đi để lại tháng mười

Và cơn gió thổi rỗng trời ở trên!...

Trời cao – Bỗng vút cao thêm

Bâng khuâng!... Vì hăng chân đêm mất rồi

Gặt rồi – còn gốc ra thôi

Và bao nhiêu dấu chân người mới nguyên

Giữa đồng tôi đứng lặng yên

Chân tôi chân rạ sát liền bên nhau

Nghe trong những vũng chân trâu

Tiếng chân con nhái đập màu đất non

Biết rằng sự sống mãi còn

Bánh chưng vuông, bánh dày tròn là đây

Cho dù bão tốc chân mây

Cũng không tốc nổi đường cày của tôi

Dù cho lửa đốt chân trời

Cũng không cháy được tháng mười tháng năm

Tay tôi còn bòn còn chằm

Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

Ngày mai từ dấu chân người

Màu xanh lên!... Vói chân trời... mở ra!...

Câu hỏi

Câu 1: Dòng nào nói lên đề tài và thể thơ của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Quê hương; Ca dao.
- B. Người nông dân; Thể thơ lục bát.
- C. Đồng ruộng; Thể thơ tự do.
- D. Niềm tin vào cuộc sống; Thể thơ lục bát.

Câu 2: Dòng nào nói lên đặc điểm của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.
- B. Cặp câu 6-8; gieo vần lưng, ngắt nhịp lẻ, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.

C. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh bằng.

D. Cặp câu 6-8; gieo vần cách, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.

Câu 3: Dòng nào KHÔNG nói lên căn cứ để xác định đề tài của tác phẩm Từ những dấu chân người?

A. Vũng chân trâu; tiếng chân con nhái đập màu đất non.

B. Tháng mười tháng năm.

C. Dấu chân, cánh đồng mùa gặt.

D. Chân, đồng.

Câu 4: Đối tượng trữ tình của tác phẩm là:

A. Tiếng chân con nhái đập màu đất non

B. Vũng chân trâu

C. Người nông dân; Cánh đồng khi đã gặt xong

D. Sự sống mãi còn

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a,b (2đ)

- a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên
- b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm

Đề 9

I. ĐỌC HIỂU (4đ)

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

TỪ NHỮNG DẤU CHÂN NGƯỜI

(Đinh Nam Khương)

Tháng mười khi lúa gặt xong

Còn tro chân rạ với đồng – Đồng ơi!

Lúa đi để lại tháng mười

Và cơn gió thổi rỗng trời ở trên!...

Trời cao – Bỗng vút cao thêm

Bâng khuâng!... Vì hăng chân đêm mất rồi

Gặt rồi – còn gốc ra thôi

Và bao nhiêu dấu chân người mới nguyên

Giữa đồng tôi đứng lặng yên

Chân tôi chân rạ sát liền bên nhau

Nghe trong những vũng chân trâu

Tiếng chân con nhái đập màu đất non

Biết rằng sự sống mãi còn

Bánh chưng vuông, bánh dày tròn là đây

Cho dù bão tốc chân mây

Cũng không tốc nổi đường cày của tôi

Dù cho lửa đốt chân trời

Cũng không cháy được tháng mười tháng năm

Tay tôi còn bòn còn chăm

Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

Ngày mai từ dấu chân người

Màu xanh lên!... Vói chân trời... mở ra!...

Câu hỏi

Câu 1: Nhân vật trữ tình của tác phẩm là?

- A. Người con xa quê
- B. Người trí thức nghĩ về nông dân
- C. Người nông dân đang sống và lao động trên quê hương mình
- D. Người yêu làng quê đang ngắm nhìn cánh đồng mùa gặt

Câu 2: Nhân vật trữ tình “bâng khuâng” trước những âm thanh, hình ảnh nào?

- A. Dấu chân người mới nguyên; tiếng chân nhái đập màu đất non
- B. Bánh chưng vuông, bánh dày tròn

C. Gió thổi; trời cao

D. Đường cày; màu xanh

Câu 3: Tác giả sử dụng phép tu từ/ nghệ thuật ẩn dụ trong dòng thơ nào sau đây?

A. Và cơn gió thổi bỗng trời ở trên!...

B. Trời cao – Bỗng vút cao thêm

C. Bâng khuâng!... Vì hằng chân đêm mất rồi

D. Gặt rồi – còn gốc rạ thôi

Câu 4: Tác giả sử dụng phép tu từ nào ở dòng thơ Còn trơ chân rạ với đồng – Đồng ơi!?

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. Nhân hóa

D. So sánh

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a,b (2đ)

- a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên
- b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đề 10

I. ĐỌC HIỂU (4đ)

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

QUÊ HƯƠNG

(Nguyễn Đình Huân)

Quê hương là một tiếng ve

Lời ru của mẹ trưa hè à ơi

Dòng sông con nước đầy vơi

Quê hương là một góc trời tuổi thơ

Quê hương ngày ấy như mơ

Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu

Quê hương là tiếng sáo diều

Là cánh cò trắng chiều chiều chân đê

Quê hương là phiên chợ quê

Chợ trưa mong mẹ mang về bánh đa

Quê hương là một tiếng gà

Bình minh gáy sáng ngân nga xóm làng

Quê hương là cánh đồng vàng

Hương thơm lúa chín mênh mang trời chiều

Quê hương là dáng mẹ yêu

Áo nâu nón lá liêu xiêu đi về

[...]

Quê hương là những cơn mưa

Quê hương là những hàng dừa ven kinh

Quê hương mang nặng nghĩa tình

Chôn rau cắt rốn người ơi nhớ về.

(<https://by.com.vn/xzpOX>)

Câu hỏi

Câu 1: Đáp án nào nói lên đề tài của văn bản Quê hương?

- A. Dòng sông.
- B. Mẹ.
- C. Quê hương
- D. Góc trời tuổi thơ.

Câu 2: Bài thơ trên thuộc thể thơ nào? Những căn cứ nào giúp em xác nhận điều đó?

- A. Thể thơ lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.

B. Thể thơ lục bát, số tiếng ở từng cặp câu là 6-8; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.

C. Thể thơ tự do xen lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.

D. Thể thơ lục bát biến thể, gieo vần liền và ngắt nhịp chẵn, lẻ.

Câu 3: Nhân vật trữ tình trong văn bản Quê hương là người:

A. Nhớ, yêu tha thiết quê hương.

B. Buồn vì đã xa quê.

C. Không biết quê hương đã đổi thay thế nào.

D. Trở về quê cũ trong tâm trạng buồn thương.

Câu 4: Văn bản Quê hương dùng cách gieo vần nào sau đây?

A. Vần cách

B. Vần chân

C. Vần lưng

D. Vần liền

Câu 5: Những hình ảnh, câu thơ nào trong văn bản trên cho biết tác giả đang nhớ về quê hương tuổi thơ của mình? Có hình ảnh, câu thơ nào gợi nhắc em nhớ tới quê hương của mình không?(1đ)

Câu 6: Em thích hình ảnh quê hương trong bài thơ trên ở thời điểm nào (bình minh, trưa hè, chiều về)? Hãy viết/ vẽ về khung cảnh đó theo ý thích của em (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Đọc hai đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi a,b (2đ)

Đoạn văn bản 1:	Đoạn văn bản 2:
<p>Lục bát là thể thơ dân tộc mang đậm bản sắc và phong vị quê hương. Thơ lục bát rất dễ thuộc và dễ nhớ vì lời thơ giản dị, mộc mạc, có sự kết hợp giữa ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ đời thường. Câu thơ đọc lên mà cứ ngỡ là câu hát hay một bản nhạc, vừa có vần vừa có điệu nghe rất thanh thoát và êm tai. Có nhiều câu lục bát đã đi vào lòng người như một lời ru...</p> <p>(https://bom.so/Vqam0q)</p>	<p>Thơ lục bát đã kế thừa được mạch nguồn của thể thơ truyền thống. Những câu thơ dù là tả cảnh hay tả tình đều nhẹ nhàng, cùng lối ví von, so sánh, ẩn dụ tinh tế nên có sức truyền cảm và gửi gắm những bài học sâu sắc, thế giới tuổi thơ được tái hiện thật dung dị và trong sáng. Trong thơ có âm thanh, nhạc điệu, sắc màu của sự sống, dễ hiểu và dễ cảm</p> <p>(nhóm tác giả sưu tầm và biên soạn)</p>

- Xác định điểm tương đồng và điểm riêng biệt của từng văn bản trên
- Hãy chọn nhận định phù hợp nhất với bài thơ Quê hương của Nguyễn Đình Huân

Câu 2: Hãy viết một đoạn văn thể hiện cảm nghĩ của mình về 4-6 câu thơ lục bát mà em thích nhất trong bài thơ trên. Yêu cầu trích dẫn hợp lý 1 nhận định (ở 1 đoạn văn bản trong câu hỏi 1) vào bài viết của mình (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.